TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Cao Thị Phương Trang;

2. Ông Chau Khon Sốc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa*:** ông Chau Pho Ly– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 01 ấp A, xã L, huyện TT, tỉnh An Giang, có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 01, ấp A, xã L, huyện TT, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 3 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Th được sự sắp đặt của cha mẹ nên có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TT, tỉnh An

Giang vào ngày 29/4/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp A, xã L, huyện TT, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống do ông Th thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống không có hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn liên lạc. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 19/01/2015 và Nguyễn Hửu Nh, sinh ngày 29/3/2004. Bà L yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có;

Nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn Th đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tống đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn còn trễ thời gian theo quy định.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Có 02 (hai) cháu T và Nh do bà L nuôi dưỡng và cháu T cũng có nguyện sống với mẹ, nên cần tiếp tục giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà Nguyễn Thị L không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Th vắng mặt. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn Th.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn Th có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại: Tổ 01, ấp A, xã L, huyện TT, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Th được sự sắp đặt của cha mẹ nên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TT, tỉnh An Giang vào ngày 29/4/2004 là đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà L, ông Th phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2016 đến nay là phù hợp với kết quả xác minh ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại ấp A, xã L xác định *"...bà L và ông Th khi chung sống có xảy ra mâu thuẫn và mỗi người đi làm một nơi, mỗi khi về thì chỉ thấy một người về và không ở chung nhà....."*. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án hai lần triệu tập hoà giải nhưng ông Th không đến cũng chứng minh rằng ông Th không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 19/01/2015 và Nguyễn Hửu Nh, sinh ngày 29/3/2004. Xét thấy, từ khi ly thân hai cháu T và Nh đều do bà L nuôi dưỡng và cháu T cũng có nguyện sống với mẹ nên cần giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn Th. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện TT, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 19/01/2015 và Nguyễn Hửu Nh, sinh ngày 29/3/2004 cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn Th quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008272 ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Sơn Thị Thúy Liễu

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã Lê Trì;
- Lưu HS & VP.